

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **95/2022/KDTM-ST**.

Ngày : 15/02/2022.

V/v “*tranh chấp hợp đồng
thi công*”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

: Bà Mai Thị Thu Dung

Các Hội thẩm nhân dân

: 1. Bà Lê Thị Thanh Dung

2. Bà Lê Thị Hải

- Thư ký phiên tòa

: Bà Phạm Thanh Hà

- là thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận tham gia phiên tòa:

Bà Bùi Thị Bích Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 02 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 029/2021/TLST-KDTM ngày 12 tháng 01 năm 2021 về việc “*tranh chấp hợp đồng thi công*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 188/2021/QĐXXST-KDTM ngày 22 tháng 12 năm 2021 và Quyết định hoãn phiên tòa số 07/2022/QĐST-KDTM ngày 17 tháng 01 năm 2022 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC.

Trụ sở: Lô A17, KCN KSB - Khu B, xã ĐC, huyện BTU, tỉnh BD.

Đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Thùy T, Giấy ủy quyền số 061/VBUQ ngày 25/11/2020 (*có đơn xin xét xử vắng mặt*).

Bị đơn: Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP.

Trụ sở: 209 HVT, Phường 8, quận P, TP H.

Đại diện: Ông Trần Duy H - Giám đốc Công ty (*vắng mặt*).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 25/11/2020 và các lời khai trong quá trình Tòa án thụ lý giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC (có bà Nguyễn Thị Thùy T đại diện theo ủy quyền) trình bày:

Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC (*sau đây gọi tắt là Công ty AC*) và Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP (*sau đây gọi tắt là Công ty TTP*) có ký kết 04 hợp đồng kinh tế. Với nội dung là Công ty AC cung cấp lắp đặt sàn gỗ công nghiệp và tủ bếp cho Công ty TTP tại công trình nhà ở chung cư cao tầng kết hợp Thương mại dịch vụ văn phòng (địa chỉ số 16/9 BVB, phường TTĐ, Quận B, Thành phố H) gồm:

- Hợp đồng cung cấp lắp đặt sàn gỗ công nghiệp số 1309-01/18/HĐKT-TTPCons ngày 13/9/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 1309), tổng giá trị hợp đồng và phụ lục là 2.030.977.751 (hai tỷ không trăm ba mươi triệu chín trăm bảy mươi bảy ngàn bảy trăm năm mươi một) đồng;

- Hợp đồng cung cấp lắp đặt tủ bếp số 1709-04/18/HĐKT-TTPCons ngày 17/9/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 1709), giá trị hợp đồng là 7.756.718.628 (bảy tỷ bảy trăm năm mươi sáu triệu bảy trăm mười tám ngàn sáu trăm hai mươi tám) đồng;

- Hợp đồng cung cấp lắp đặt tủ bếp số 2512-01/18/HĐKT-TTPCons ngày 25/12/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 2512), giá trị hợp đồng là 1.920.539.018 (một tỷ chín trăm hai mươi triệu năm trăm ba mươi chín ngàn không trăm mười tám) đồng;

- Hợp đồng cung cấp lắp đặt sàn gỗ số 2612-02/18/HĐKT-TTPCons ngày 26/12/2018 (sau đây gọi tắt là hợp đồng 2612), giá trị hợp đồng là 324.535.038 (ba trăm hai mươi bốn triệu năm trăm ba mươi lăm ngàn không trăm ba mươi tám) đồng.

Công ty AC đã thực hiện việc cung cấp, lắp đặt sàn gỗ và tủ bếp theo đúng quy định của các hợp đồng nói trên cho Công ty TTP. Toàn bộ công việc mà Công ty AC thực hiện đều đã được hai bên ký nghiệm thu và ký duyệt hồ sơ quyết toán theo từng thời điểm, cụ thể:

- Hồ sơ quyết toán Hợp đồng 1309 kí ngày 24/4/2020, giá trị quyết toán là 2.030.463.061 đồng;

- Hồ sơ quyết toán Hợp đồng 1709 kí ngày 12/6/2020, giá trị quyết toán là 7.756.718.628 đồng;

- Hồ sơ quyết toán Hợp đồng 2512 kí ngày 24/4/2020, giá trị quyết toán là 1.920.539.018 đồng;

- Hồ sơ quyết toán Hợp đồng 2612 kí ngày 25/2/2020, giá trị quyết toán là: 324.535.038 đồng.

Sau khi được phê duyệt hồ sơ quyết toán, Công ty AC cũng đã cung cấp đầy đủ các chứng từ thanh toán cho Công ty TTP như: hóa đơn GTGT, chứng thư bảo lãnh bảo hành. Công ty AC đã hoàn thành đầy đủ nghĩa vụ theo hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty TTP vẫn không hợp tác để thanh toán khoản nợ cho Công ty AC với số tiền còn thiếu của 04 hợp đồng tổng cộng là **1.155.441.257** (một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng.

Trong đó chi tiết nợ theo từng hợp đồng như sau:

Hợp đồng	Số tiền còn nợ (đồng)	Căn cứ Xác nhận công nợ hai bên
1309	261.847.892	Biên bản thanh lý số 1505-01/2020/BBTL-TTPCons ký ngày 15/5/2020
1709	518.920.317	Biên bản thanh lý số 1707-01/2020/BBTL-TTPCons ký ngày 17/7/2020

2512	267.212.989	Biên bản thanh lý số 1505-01/2020/BBTL-TTPCons ký ngày 15/5/2020
2612	107.460.059	Biên bản thanh lý số 1205-02/2020/BBTL-TTPCons ký ngày 12/5/2020
Tổng	1.155.441.257 (Bằng chữ: một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy đồng)	

Do đó, Công ty AC làm đơn khởi kiện yêu cầu Công ty TTP thanh toán cho Công ty AC tổng số tiền là **1.282.536.203 đồng** (một tỷ hai trăm tám mươi hai triệu năm trăm ba mươi sáu ngàn hai trăm lẻ ba đồng). Trong đó:

+ Nợ gốc: 1.155.441.257 (một tỷ một trăm năm mươi lăm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy) đồng.

+ Tiền phạt vi phạm Hợp đồng (tạm tính đến ngày 24/11/2020): 92.435.301 (chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ một) đồng.

+ Tiền lãi chậm thanh toán (tạm tính đến ngày 24/11/2020): 34.659.465 (ba mươi bốn triệu sáu trăm năm mươi chín ngàn bốn trăm sáu mươi lăm) đồng.

- Bị đơn Công ty TTP mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập làm bản tự khai, giấy triệu tập và thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải (lần 1, lần 2), thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, giấy triệu tập và Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do.

Do đó, Tòa án vẫn tiến hành đưa vụ án ra xét xử.

Tại phiên tòa hôm nay:

- Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Đồng thời vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện về yêu cầu bị đơn trả khoản tiền nợ gốc, bổ sung phần tính lãi chậm trả (đến ngày 15/02/2022). Cụ thể, yêu cầu bị đơn thanh toán cho nguyên đơn số tiền nợ gốc, tiền lãi phát sinh (tính theo mức lãi suất 7,5%/năm) là **1.242.140.002** (một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi ngàn không trăm lẻ hai) đồng, trong đó:

- Nợ gốc: 1.105.441.257 đồng;

- Nợ lãi: 136.698.745 đồng.

Ngoài ra, nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng là 92.435.301 (chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ một) đồng.

- Bị đơn vắng mặt không lý do.

Do đó, Hội đồng xét xử công bố lời khai của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng và ý kiến về việc giải quyết vụ án:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Thẩm phán và Hội đồng xét xử trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm đều tuân thủ đúng trình tự, thủ tục tố tụng. Tòa án giải quyết vụ án đúng thẩm quyền; Thẩm phán đã tiến hành thu thập chứng cứ đầy đủ, xác định đúng thành phần tham gia tố tụng. Tuy nhiên, thời hạn giải quyết vụ án đã quá thời hạn xét xử theo luật định.

+ Về nội dung: Căn cứ vào chứng cứ do nguyên đơn cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện:

Giữa nguyên đơn và bị đơn có ký kết 04 hợp đồng cung cấp và lắp đặt tủ bếp và sàn gỗ cho công trình nhà ở chung cư cao tầng kết hợp Thương mại dịch vụ văn phòng tại địa chỉ số 16/9 BVB, phường TTĐ, Quận B, Thành phố H. Nội dung từng hợp đồng đúng như đơn khởi kiện nguyên đơn trình bày. Căn cứ vào các biên bản nghiệm thu, bản xác nhận khối lượng thực hiện, biên bản thanh lý hợp đồng đã được hai bên xác nhận... có đủ cơ sở xác định bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền nợ là 1.105.441.257 đồng.

Về tiền lãi: do bị đơn vi phạm thời hạn thanh toán theo thỏa thuận trong hợp đồng mà hai bên đã ký kết nên yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về buộc bị đơn phải trả số tiền lãi phát sinh là có cơ sở. Mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng 7,5%/năm là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, như vậy là có lợi cho bị đơn.

Do đó, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 50 và 306 của Luật thương mại chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về phạt vi phạm hợp đồng: Nguyên đơn rút lại yêu cầu bị đơn thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1]. Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ án tranh chấp về kinh doanh thương mại (*Hợp đồng thi công*) giữa các tổ chức có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận. Bị đơn có trụ sở tại quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Vì vậy, căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ tranh chấp này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, TP HCM theo quy định của pháp luật.

[1.2]. *Về việc xét xử vắng mặt nguyên đơn:*

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ điểm a khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn.

[1.3]. *Về việc xét xử vắng mặt bị đơn:*

Ngay sau khi Tòa án thụ lý vụ án theo đơn khởi kiện của nguyên đơn. Tòa án đã tổng đặt hợp lệ các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật cho bị đơn

như: thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập làm bản tự khai; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ; giấy triệu tập và quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa và giấy triệu tập tham gia phiên tòa lần 2. Tuy nhiên, bị đơn không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án. Do vậy, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hội đồng xét xử căn cứ vào các tài liệu chứng cứ do nguyên đơn cung cấp, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập để giải quyết vụ án.

[2]. Về nội dung tranh chấp:

[2.1]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 1.105.441.257 (*một tỷ một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy*) đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Căn cứ vào các Hợp đồng (bao gồm 04 hợp đồng số 1309, 1709, 2512 và 2612), bảng khối lượng công việc thực hiện của từng hợp đồng, các biên bản nghiệm thu, các hoá đơn GTGT và các biên bản thanh lý hợp đồng do nguyên đơn cung cấp, cho thấy bị đơn còn nợ nguyên đơn số tiền 1.105.441.257 (*một tỷ một trăm lẻ năm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn hai trăm năm mươi bảy*) đồng.

Trong quá trình Toà án thụ lý giải quyết vụ án thì bị đơn có chuyển khoản trả cho nguyên đơn số tiền 50.000.000 (*năm mươi triệu*) đồng. Do vậy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về yêu cầu bị đơn trả số tiền còn nợ 1.105.441.257 đồng là có cơ sở để chấp nhận.

[2.2]. Xét yêu cầu của nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán tiền lãi chậm trả, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị đơn đã vi phạm điều khoản thanh toán theo hợp đồng mà các bên đã ký kết. Lẽ ra, bị đơn phải chịu tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán theo quy định của Luật Thương mại. Tuy nhiên, nguyên đơn đồng ý lấy mức lãi suất 7,5%/năm (tức là 0,625%/tháng) để tính lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường. Nhận thấy, mức lãi suất mà nguyên đơn áp dụng (7,5%/năm) là thấp hơn mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường do Toà án thu thập ở 03 Ngân hàng trên địa bàn quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh. Điều này có lợi cho bị đơn nên cần chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau:

Hợp đồng	Ngày thanh lý	Ngày đến hạn	Ngày tính lãi	Số ngày chậm trả	Số tiền chậm trả	Lãi chậm trả (đồng)
1309	15/5/2020	5/6/2020	15/2/2022	620	261.847.892	33.822.019
1709	17/7/2020	7/8/2020	15/2/2022	557	468.920.317	54.414.295
2512	15/5/2020	5/6/2020	15/2/2022	620	267.212.989	34.515.011
2612	12/5/2020	2/6/2020	15/2/2022	623	107.460.059	13.947.420
TỔNG CỘNG					1.105.441.257	136.698.745

Như vậy, tổng số tiền lãi mà bị đơn phải trả cho nguyên đơn tạm tính đến ngày 15/02/2022 là 136.698.745 (*một trăm ba mươi sáu triệu sáu trăm chín mươi tám ngàn bảy trăm bốn mươi năm*) đồng.

[2.3]. Tại đơn khởi kiện nguyên đơn có yêu cầu bị đơn trả tiền phạt vi phạm hợp đồng, với số tiền phạt là 92.435.301 (*chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ một*) đồng. Tuy nhiên, sau đó nguyên đơn đã có đơn rút lại yêu cầu này, do vậy Hội đồng xét xử đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[3]. Ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận về việc đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là hoàn toàn có cơ sở.

Từ những phân tích trên, Hội đồng xét xử xét thấy có đủ căn cứ để chấp toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn về việc yêu cầu bị đơn phải thanh toán tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm là **1.242.140.002** (*một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi ngàn không trăm lẻ hai*) đồng.

[4]. Về án phí:

Bị đơn phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận (1.242.140.002 đồng) là 49.264.200 (*bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm*) đồng.

Nguyên đơn không phải chịu án phí nên được nhận lại toàn bộ tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; điểm a, b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;
- Căn cứ vào các Điều 50 và 306 của Luật thương mại;
- Căn cứ vào Luật phí và lệ phí năm 2015;
- Căn cứ vào khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;
- Căn cứ vào khoản 1 Điều 13 của Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm.
- Căn cứ vào Điều 26 Luật Thi hành án dân sự.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC.

1.1. Buộc Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP phải trả cho Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC số tiền nợ gốc và tiền lãi quá hạn tính đến ngày xét xử sơ thẩm (ngày 15/02/2022) là **1.242.140.002** (*một tỷ hai trăm bốn mươi hai triệu một trăm bốn mươi ngàn không trăm lẻ hai*) đồng, trong đó:

- Nợ gốc : 1.105.441.257 đồng;

- Nợ lãi quá hạn : 136.698.745 đồng.

1.2. Đình chỉ yêu cầu khởi kiện của Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC về việc yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP phải thanh toán tiền phạt vi phạm hợp đồng là 92.435.301 (*chín mươi hai triệu bốn trăm ba mươi lăm ngàn ba trăm lẻ một*) đồng.

2. Về án phí:

- Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP phải chịu toàn bộ án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 49.264.200 (*bốn mươi chín triệu hai trăm sáu mươi bốn ngàn hai trăm*) đồng.

- Công ty TNHH Sản xuất Gỗ AC được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 25.238.000 đồng (*hai mươi lăm triệu hai trăm ba mươi tám ngàn*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0042411 ngày 28/12/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự quận Phú Nhuận, TP HCM.

3. Việc thi hành án được thực hiện tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

4. Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, Công ty TNHH Một thành viên Kỹ thuật Xây dựng TTP còn phải chịu khoản tiền lãi trên số nợ gốc còn phải thi hành theo mức lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

5. Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND TP HCM;
- VKSND Q.PN;
- Chi cục THADS Q.PN;
- Đương sự;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Mai Thị Thu Dung